

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-06-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Phạm Ngọc Anh
2. Ông Nguyễn Quốc Thắng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 07 tháng 06 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/03/2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐ-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 01, xã XP, huyện LM, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Anh Trần Hoàng L, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 02, thị trấn VV, huyện LM, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 05/01/2022, quá trình tố tụng và tại tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hoàng L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn VV. Trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống anh L thường xuyên nhậu nhẹt và ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau và vợ chồng chính

thức ly thân từ tháng 04/2021 đến nay. Do tình cảm không còn nên chị C yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 09/03/2016, hiện đang sống với chị C, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Trần Hoàng L trình bày:

Anh L thống nhất với lời trình bày của chị C về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường cãi vã nhau. Vì vậy anh L mới buồn và uống rượu, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2021 đến nay.

Nay chị C yêu cầu ly hôn anh L không đồng ý ly hôn do anh L còn thương vợ.

Về con chung: Anh L thống nhất tiếp tục giao Trần Hạo N, sinh ngày 09/03/2016 cho chị C nuôi dưỡng anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hoàng L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên uống rượu nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn, anh L không thống nhất ly hôn. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tạo điều kiện để chị C và anh L có thời gian để sửa chữa sai lầm và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng đồng thời không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án đều đó cho thấy anh L không có thiện chí muốn được hòa giải đoàn tụ. Nay chị C

yêu cầu ly hôn, xét đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị C và anh L thừa nhận có 01 đứa con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 09/03/2016, hiện đang sống với chị C, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị C và anh L sống ly thân nhau thì cháu Trần Hạo N do chị C nuôi dưỡng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho cháu Trần Hạo N nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Hạo N cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh L, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hoàng L được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Hạo N, sinh ngày 09/03/2016 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Hạo N trưởng thành (tròn 18 tuổi). Anh Trần Hoàng L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh Trần Hoàng L không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006196 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LM. Chị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện LM;
- THA huyện LM;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phát Lộc